|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CA HUYỆN BÌNH LỤC | **THÔNG TIN NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY** | Biểu số: MT2 |
| **CA XÃ VŨ BẢN** | Theo TT số 13/2022/TT-BCA ngày 05/4/2022 |

Ngày lập mẫu: 20/10/2024

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | 1. | Họ và tên: **TRỊNH XUÂN THÌN** |
| Ảnh 3x4 |  | 2. | Tên khác: Không. |
|  | 3. | Giới tính: Nam: Nữ: XX |
|  | 4. | Ngày/tháng/năm sinh: 07/03/1996 |
|  | 5. | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 03509100881 |
|  |  | 6. | Mã số định danh cá nhân: 03509100881 |

7. Quan hệ nhân thân:

- Họ và tên cha: Trịnh Xuân Thịnh Ngày/tháng/năm sinh: 1966

- Họ và tên mẹ: Trần Thị Tuyết Ngày/tháng/năm sinh: 1967

- Họ và tên vợ/chồng: Hà Thị Thu Hiền Ngày/tháng/năm sinh:19/03/2000.

8. Quê quán: Xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

9. Nơi đăng ký thường trú/tạm trú: Xóm Hưng Vượng, Thôn 4, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

10. Nơi ở hiện tại: ………………………………………………………………..

11. Đối tượng thuộc diện:

- Thường trú: - Tạm trú:

- Lưu trú: - Không có nơi cư trú ổn định:

12. Trình độ học vấn:

- Chưa biết chữ: - Giáo dục PT: Lớp:…………. - Trung cấp:

- Cao đẳng:  - Đại học: - Trên Đại học:

13. Quốc tịch: Việt Nam: Nước khác: ..................(Ghi tên nước)

 Đa quốc tịch: Không quốc tịch:

14. Dân tộc: Kinh: Khác: (Ghi tên dân tộc…)

15.Tôn giáo: Có: ….... (Ghi tên tôn giáo) Không:

16. Nghề nghiệp: Có: …..… (Ghi tên nghề nghiệp) Không:

17. Tình trạng việc làm: Có việc làm: Không có việc làm:

 Có việc làm nhưng không ổn định:

18. Thành phần bản thân:

 - Học sinh: - Sinh viên: - Công nhân:

 - Cán bộ, công chức, viên chức: - Nông dân:

 - Khác:

19. Thông tin khác về nhân thân: - Đảng viên:

- Tiền án: Ma túy: (số lượng:…..) Hình sự: (số lượng:…..)

 Kinh tế: (số lượng:…..) Khác: (số lượng:…..)

 *(Ghi rõ án tích tội gì*:……………………………………………………*)*

- Tiền sự: Ma túy: (số lượng:…..) Hình sự: (số lượng:……)

 Kinh tế: (số lượng:…..) Khác: (số lượng:…..)

 *(Ghi rõ hành vi vi phạm :*…………………………………………………*)*

- Bị xử lý vi phạm hành chính do VPPL về ma túy: …………..(số lần)

 + Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:……………………..........(số lần)

 + Đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng:…………………(số lần)

 (*Ghi rõ hành vi và thời gian các lần bị xử lý hành chính*:…………..……)

- Tái nghiện trong thời hạn quản lý sau cai:

- Tái nghiện sau thời hạn quản lý sau cai:

- Thời gian tái nghiện sau cai nghiện: …….năm (≤ 01 năm, sau… năm)

 - Số lần bị đưa vào danh sách quản lý người nghiện chất ma túy:..……

20. Địa điểm sử dụng ma túy:

- Vũ trường, quán bar: - Quán karaoke: - Homestay:

- Khu nghỉ dưỡng: - Khách sạn: - Nhà nghỉ:

- Nhà trọ, phòng trọ: - Nhà riêng: - Trường học:

- Nơi khác:

21. Loại ma túy sử dụng:

- Thuốc phiện: - Cần sa: - Cocaine: - Heroine:

 - Methaphetamine (ma túy đá): - Amphetamine: - Ketamine:

 - MDMA(thuốc lắc): - XLR-11: - LSD:

 - Sử dụng nhiều loại ma túy: - Khác:

22. Hình thức sử dụng ma túy: - Hút: - Hít: - - Uống:

 - Tiêm chích: - Khác:

23. Nguyên nhân sử dụng ma túy:

- Không hiểu tác hại của ma túy: - Tò mò, thử cho biết:

- Biết tác hại của ma túy nhưng vẫn sử dụng: - Bị lôi kéo, dụ dỗ:

- Do buồn chán: - Bị mắc lừa:

- Khác:

24. Số lần đã cai nghiện: ……….(nếu chưa từng tham gia cai nghiện thì điền 0).

25. Hình thức, biện pháp cai nghiện đã áp dụng: *(tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy; bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy…)*………

…………………………………………………………………………………….

26. Hiện đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:

 - Giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

 - Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

27. Hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

- Hoãn chấp hành: - Miễn chấp hành:

28. Hiện tại chưa được cai nghiện:

29. Đang cai nghiện tại:

 - Gia đình, cộng đồng: - Trại giam: - Trại tạm giam:

 - Cơ sở cai nghiện công lập: - Cơ sở giáo dục bắt buộc:

 - Cơ sở cai nghiện tự nguyện: - Trường giáo dưỡng: - Khác:

 - Tên CSCN, CSGDBB, TGD, TTG, TG:……………… ...……..(nếu có).

30. Biện pháp cai nghiện hiện tại: - Tự nguyện: - Bắt buộc:

31. Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Methadone, Buprenophin..): + Đã điều trị: Từ ngày…………đến ngày.....................

 + Đang điều trị:Từ ngày…………đến ngày....................

 + Dừng điều trị: Từ ngày………......................................

32. Đã được điều trị loạn thần do sử dụng trái phép chất ma túy:

33. Đã hoàn thành cai nghiện:

34. Quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú:

 Thời hạn quản lý: Từ ngày……/……/……..đến ngày…../…../……

35. Hỗ trợ sau cai nghiện:

- Được học văn hóa: - Được dạy nghề: - Được tạo việc làm:

- Được vay vốn: - Khác:

- Tổng số vốn cho vay (triệu đồng):………………………………………

- Chưa được hỗ trợ:

36. Tình trạng sức khỏe hiện tại:

 - Bình thường: - Biểu hiện loạn thần (ngáo đá):

 - Nhiễm HIV/AIDS: - Bệnh lao: - Bệnh lý khác:

37. Tình trạng cư trú hiện tại:

- Có mặt tại nơi cư trú: - Vắng:

- Đang ở: + CSCN ma túy công lập: + CSCN ma túy tự nguyện:

 + Cơ sở giáo dục bắt buộc: + Trường giáo dưỡng:

 + Trại giam: + Trại tạm giam: + Nhà tạm giữ:

 - Đang điều trị tại cơ sở y tế:

 - Bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được nơi cư trú:

 - Không có nơi cư trú ổn định, sống lang thang tại địa phương:

 - Chuyển cư trú từ ngày ……………đến (*ghi theo đơn vị hành chính)* ........................................................................................................................

38. Chết do: - Quá liều sử dụng chất ma túy: - HIV/AIDS: - Khác:

39. Tòa án tuyên mất tích:

40. Quá trình xác định tình trạng nghiện ma túy:

- Thời điểm bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy:…………………………….

- Thời điểm lần đầu tiên bị lực lượng chức năng phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy:……………………………………………………………………………

- Thời điểm xác định tình trạng nghiện ma túy:……………………………….

- Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy: *(Ghi rõ số, ngày tháng, năm, tên cơ quan y tế ban hành văn bản xác định tình trạng nghiện)*……………....

…………………………………………………………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập mẫu***(Ký, họ tên)* |  | **TRƯỞNG CÔNG AN XÃ (P, TT)***(Ký, đóng dấu, họ tên)* |